

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22-3-2019

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cư

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu không tham gia phiên tòa:

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định về việc phân công lại người tiến hành tố tụng số 97/QĐCA-TA ngày 21/3/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1972. Nơi cư trú: 5/16, Võ Trứ, phường 9, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Quốc K, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số 107/6, khóm Long Thị B, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà B và ông Huỳnh Quốc K tự tìm hiểu nhau, được cha, mẹ hai bên chấp thuận và sống chung nhau như vợ chồng vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B xin ly hôn với ông K.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T sinh ngày 20/7/1996 và Huỳnh Quốc T sinh ngày 10/11/1998 (các con đã trưởng thành)

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Quốc K trình bày:

- *Về hôn nhân*: Thông nhất về thời gian và điều kiện đi đến chung sống như bà B trình bày. Sau khi tổ chức lễ cưới, ông K và bà B chung sống hạnh phúc, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2008, ông K và bà B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm. Đã sống xa nhau, ông K đồng ý ly hôn với bà B.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T sinh ngày 20/7/1996 và Huỳnh Quốc T sinh ngày 10/11/1998 (các con đã trưởng thành).

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung; tài sản chung; không hòa giải về tình cảm do bà B và ông K không đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông K. Về con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 20/7/1996 và Huỳnh Quốc T, sinh ngày 10/11/1998 (các con đã trưởng thành). Về tài sản chung và nợ chung, không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông K đồng ý ly hôn với bà B. Về con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 20/7/1996 và Huỳnh Quốc T, sinh ngày 10/11/1998 (các con đã trưởng thành). Về tài sản chung và nợ chung, không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Quốc K, ông K có nơi cư trú số 107/6, Khóm Long Thị B, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, bà B và ông K thống nhất chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995 và không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bà B và ông K thống nhất về con chung và tài sản chung. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận định đây là những tình tiết không phải chứng minh.

* Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Huỳnh Quốc K tự tìm hiểu nhau, được cha, mẹ hai bên chấp thuận và sống chung nhau như vợ chồng vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Bà B và ông K có tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 1995, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Huỳnh Quốc K là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] *Về con chung*:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, biên bản lời khai bị đơn, biên bản hòa giải về con chung và tại phiên tòa, bà B và ông K đồng thống nhất khai có 02 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 20/7/1996 và Huỳnh Quốc T, sinh ngày 10/11/1998 (các con đã trưởng thành). Bà B và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà B và ông K đồng thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà B chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà B đã nộp. Ông K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Huỳnh Quốc K.

2. *Về con chung*: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T sinh ngày 20 tháng 7 năm 1996 và Huỳnh Quốc T sinh ngày 10 tháng 11 năm 1998 (các cháu đã trưởng thành).

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Huỳnh Quốc K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001672 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu. Đã nộp đủ án phí.

Ông Huỳnh Quốc K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm